

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2022/DS-PT
Ngày: 01-12-2022
V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 407/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 393/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị V, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Bình T, xã Hòa Khánh Đ, huyện Đức H, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Cao Thị R, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Hòa Khánh Đ, huyện Đức H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà R: Bà Nguyễn Thị Minh Đ, sinh năm 1988 (có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 03/3/2022).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Hòa Khánh Đ, huyện Đức H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Bà Nguyễn Thị Minh Đ, sinh năm 1988 (có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 08/3/2022).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Cao Thị R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2022 và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án, bà Ngô Thị V trình bày:

Ngày 01/4/2021, bà có cho bà R vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất 3%. Hai bên có làm giấy tay đề ngày 01/4/2021, bà R có ký tên lẫn tay. Đến thời hạn trả nhưng bà R không trả cho bà, bà yêu cầu nhiều lần nhưng bà R chỉ hẹn mà không trả cho bà. Bà R mượn tiền bà để về chi tiêu trong gia đình nên ông M biết rõ số nợ này. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Cao Thị R và chồng là ông Nguyễn Văn M liên đới trả cho bà số tiền 800.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực. Ngoài ra, bà không yêu cầu tính lãi.

Bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ kiện đòi số tiền gốc 560.000.000 đồng còn 240.000.000 đồng là tiền lãi vì trong giấy nợ 800.000.000 đồng là khoản tiền gốc 560.000.000 đồng còn tiền lãi khoảng 240.000.000 đồng là khoản lãi mà bà R không chịu trả từ năm 2018. Nay bà xác định chỉ lấy lại tiền vốn gốc, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Cao Thị R, ông Nguyễn Văn M do bà Nguyễn Thị Minh Đ trình bày:

Mẹ bà là bà Cao Thị R làm nghề bán bánh ở chợ Hòa Khánh có quen biết với bà Ngô Thị V. Khoảng năm 2018, mẹ bà có mượn của bà Ngô Thị V 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 01 tháng, mỗi ngày khoảng 400.000 đồng, bà R góp được khoảng 20 ngày thì không có khả năng góp nên bà R tiếp tục mượn 10.000.000 đồng tiền tháng, mỗi ngày trả 100.000 đồng lãi; sau đó bà R mượn thêm 40.000.000 đồng mỗi ngày góp 1.600.000 đồng, góp được 17 ngày. Tiếp theo, bà R có mượn thêm 40.000.000 đồng của bà V cho bà Cao Thị Bé mượn lại để bà Bé cho con đi hợp tác lao động Nhật Bản, phần này bà R góp được 17 ngày, mỗi ngày 1.600.000 đồng nhưng không có khả năng góp nữa. Không có khả năng góp được nên bà V tổng kết nợ là 170.000.000 đồng, mỗi tháng trả lãi 34.000.000 đồng. Bà V ép bà R làm giấy nợ thành 800.000.000 đồng vào ngày 01/4/2021 vì cha bà bệnh tim nên bà R sợ cha bà biết nên miễn cưỡng ký giấy nợ. Trong đó có số tiền 170.000.000 đồng + phần tiền hui là 175.000.000 đồng (thực tế tiền gốc mẹ bà chỉ nhận được là 19.400.000 đồng) có đóng lại tiền hui là 64.000.000 đồng + 240.000.000 đồng tiền lãi sau cùng. Trong giấy nợ có dấu vân tay và chữ ký tên là

của bà R. Qua yêu cầu khởi kiện của bà V, bà R không đồng ý trả thêm số tiền nào nữa cho bà V vì trả quá nhiều tiền cho bà V.

Việc mượn tiền bà V, cha bà ông M là không hề biết và cũng không đồng ý trả số tiền nào cho bà V.

Ngoài ra trong file ghi âm số 05 có có cung cấp cho Tòa án thể hiện bà V có thừa nhận trong số tiền 800.000.000 đồng mà bà V bắt bà R ký giấy nợ có 240.000.000 đồng tiền lãi. Từ đó chứng minh rằng từ số nợ 170.000.000 đồng bà V buộc bà R trả lãi nhiều lần, không đóng nổi bà V cộng thêm tiền lãi của tiền lãi (lãi chồng lãi) rồi buộc bà R ký giấy nợ. Thực sự bà R đã trả lãi quá nhiều cho bà V nên nay không đồng ý trả thêm bất cứ số tiền lãi nào nữa.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức H đã căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị V về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Cao Thị R.

Buộc bà Cao Thị R trả cho bà Ngô Thị V 560.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tính lãi chậm thi hành.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị V đối với việc yêu cầu bà Cao Thị R trả 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị R được miễn án phí. Hoàn lại cho Ngô Thị V 18.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 009702 ngày 15/02/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Đức H.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật,

Ngày 02/8/2022, bị đơn bà Cao Thị R kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn bà Cao Thị R do bà Nguyễn Thị Minh Đ đại diện theo ủy quyền trình bày nội dung kháng cáo cho rằng số tiền 560.000.000 đồng được nhập từ tiền lãi thành tiền gốc và bà R đã trả cho bà V tiền lãi rất nhiều. Giấy nợ ngày 01/4/2021 bà R ký nhận nợ là do bị bà V ép buộc nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà Ngô Thị V trình bày: Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu bà R trả số tiền 800.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 01/4/2021. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết bà đồng ý cho bà R 240.000.000 đồng tiền lãi nên bà đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu bà R trả tiền gốc là 560.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Bà V yêu cầu bà R trả tiền vay gốc 560.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 01/4/2021, không yêu cầu trả tiền lãi 240.000.000 đồng. Bà Đ đại diện cho bà R cho rằng số tiền 560.000.000 đồng được nhập từ tiền lãi thành tiền gốc nhưng bà Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh đây là tiền lãi và số tiền bà R đã trả cho bà V là bao nhiêu nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà R.

Đối với số tiền lãi 240.000.000 đồng: Tại phiên tòa bà V xác định bà chỉ yêu cầu trả tiền gốc 560.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và cũng không yêu cầu bà R trả số tiền lãi 240.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện thay đổi yêu cầu của bà V nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa cách tuyên án cho phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Cao Thị R được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Ngô Thị V có mặt; bị đơn bà Cao Thị R, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M do bà Nguyễn Thị Minh Đ đại diện theo ủy quyền có mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Nguyên đơn bà Ngô Thị V khởi kiện yêu cầu bà Cao Thị R trả tiền gốc 560.000.000 đồng, không yêu cầu bà R trả lãi là 240.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà R kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới.

Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét trong phạm vi liên quan đến nội dung kháng cáo của đương sự.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, thấy rằng:

Theo giấy nợ ngày 01/4/2021 thể hiện bà V có nợ bà R số tiền 800.000.000 đồng. Các đương sự thống nhất trong số nợ 800.000.000 đồng thì có 240.000.000 đồng tiền lãi nên bà V yêu cầu bà R trả 560.000.000 đồng gốc, không yêu cầu trả lãi. Bị đơn bà R do bà Đăng đại diện thừa nhận bà R đã ký nhận nợ theo giấy nợ do bà V cung cấp nhưng không đồng ý trả và cho rằng đây là tiền lãi nhập gốc, bà R ký giấy nợ là do bà V ép buộc và bà R đã trả quá nhiều tiền cho bà V nên không đồng ý trả bất cứ khoảng tiền nào nữa. Tuy nhiên, bà Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền 560.000.000 đồng là tiền lãi nhập thành tiền gốc, số tiền bà R đã trả tiền cho bà V là bao nhiêu để xác định bà R không còn nợ tiền bà V, cũng như bà R bị ép buộc khi ký giấy nợ.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V đối với số tiền 560.000.000 đồng là có căn cứ. Bà R kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của bà R. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[5] Về tiền lãi: Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị V đối với việc yêu cầu bà Cao Thị R trả 240.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V xác định số tiền 800.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 01/4/2021, trong đó tiền gốc là 560.000.000 đồng và tiền lãi 240.000.000 đồng. Bà V chỉ yêu cầu bà R trả tiền gốc là 560.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi là có lợi cho bà V thuộc trường hợp người khởi kiện thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại cách tuyên án cho phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Cao Thị R được miễn án phí phúc thẩm. Do bà R được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên không phải hoàn tiền án phí phúc thẩm cho bà R.

[7] Các khoản khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Cao Thị R.

Sửa một phần quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức H về cách tuyên án.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 12, 14, 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị V về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Cao Thị R.

Buộc bà Cao Thị R có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị V số tiền 560.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tính lãi chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị R được miễn án phí.

Hoàn lại cho bà Ngô Thị V 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 009702 ngày 15/02/2022 của Chi cục thi hành án huyện Đức H, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Cao Thị R được miễn án phí.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức H;
- Chi cục THA huyện Đức H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Vân